

Thân Loan Thánh nhân soạn

NHẤT NIỆM ĐA NIỆM VĂN Ý

一念多念文意

Việt dịch: Quảng Minh

DẪN NHẬP

Nhất Niệm Đa Niệm Văn Ý (一念多念文意), còn gọi là Nhất Niệm Đa Niệm Chứng Văn (一念多念証文)¹, một quyển, do Thân Loan Thánh nhân soạn, được thu tàng trong Đại Chánh Tạng, Tập 83, No. 2657. Dựa trên quyển Nhất Niệm Đa Niệm Phân Biệt Sự (一念多念分別事) do Luật sư Long Khoan soạn, tác phẩm này chú thích những đoạn văn thiết yếu để làm sáng tỏ quan điểm ‘Niệm Phật là nhất niệm hay đa niệm’. Việc lựa chọn, sắp xếp và triển khai các yếu văn trong kinh điển và luận thích cho thấy sự lý giải độc đáo của Thân Loan ngang qua quan điểm ‘Tín chi nhất niệm’ (信之一念) vào tha lực thì ‘Tức đắc vãng sanh’ (即得往生).²

Người ta tin rằng tác phẩm này được viết vào khoảng niên hiệu Kiến Trường thứ 8 (1256), vì tên của cuốn sách này xuất hiện trong các lá thư của Thân Loan. Bản thảo gốc được bảo tồn ở Đại Cốc Bản Nguyên Tự (大谷本願寺). Có hai truyền bản mà cuối thư viết: “Khang Nguyên năm 2, tháng 2” (康元二年二月) và “Chánh Gia thứ 2, tháng 8” (正嘉二年八月), nhưng bản Chánh Gia phần lớn là tiểu sử. Ngoài ra còn có một dị bản giả mạo, có cùng tiêu đề (không rõ người biên soạn), được thực hiện vào thời đại Thất Đình (室町時代, Muromachi, 1336-1573).

Giống như tác phẩm Nhất Niệm Đa Niệm Phân Biệt Sự của Luật sư Long Khoan, Thân Loan Thánh nhân đã dẫn chứng những đoạn văn thiết yếu của kinh điển và luận sớ, cùng với các chú thích được thêm vào, để làm chứng cứ cho vấn đề Nhất niệm và Đa niệm.

¹ Gọi tắt là Nhất Đa Văn Ý (一多文意), Nhất Đa Chứng Văn (一多証文) hay Chứng Văn (証文).

² Sát na sanh khởi tín tâm đối với tha lực của Đức Phật A Di Đà gọi là ‘Tín chi nhất niệm’ (một niệm tín tâm). Thời điểm hoạch đắc tín tâm thì ‘liền được vãng sanh’.

Sách này được chia thành hai phần, phần đầu nói về Nhất niệm, dẫn chứng 13 đoạn văn thiết yếu liên quan đến Nhất niệm, và phần sau nói về Đa niệm, dẫn chứng 8 đoạn văn thiết yếu liên quan đến Đa niệm. Thân Loan Thánh nhân cũng làm sáng tỏ nghĩa ‘Niệm Phật vãng sanh’ là ‘chuyên tu niệm Phật’ mà không thiên chấp về một niệm hay nhiều niệm.

Để đáp lại những cuộc tranh luận nảy sinh dưới thời Pháp Nhiên Thượng nhân, Nhất Niệm Đa Niệm Phân Biệt Sự của Luật sư Long Khoan đã khuyên nhủ không nên bận tâm đến một niệm hoặc nhiều niệm, và cuốn sách này được viết dựa trên lời khuyên của Long Khoan. Thực tế là chỉ có 3 trong số 13 văn ý trong phần đầu Nhất niệm và khoảng 5 trong số 8 văn ý trong phần thứ hai Đa niệm của sách này được lấy từ Nhất Niệm Đa Niệm Phân Biệt Sự. Điều đó cho thấy Nhất Niệm Đa Niệm Văn Ý không phải là sách chú thích cho Nhất Niệm Đa Niệm Phân Biệt Sự.

Thuyết “Nhất niệm nghĩa” cho rằng sự vãng sanh Tịnh độ được xác định bởi một niệm tín tâm, hoặc quyết định bởi một tiếng xưng danh Đức Phật A Di Đà, và không quan tâm đến việc xưng danh sau đó. Mặt khác, thuyết “Đa niệm nghĩa” cho rằng sự vãng sanh Tịnh độ được xác định sau khi hành giả đã niệm Phật xưng danh nhiều lần trong suốt cuộc đời và khi lâm chung được Đức Phật A Di Đà và Thánh chúng đến đón. Khi Thân Loan Thánh nhân còn tại thế, các dòng phái của các đệ tử của Pháp Nhiên Thượng nhân đã tranh luận với nhau về Nhất niệm và Đa niệm. Qua tác phẩm này, Thân Loan Thánh nhân đã làm sáng tỏ nghĩa ‘Niệm Phật vãng sanh’ là không thiên chấp vào Nhất niệm hay Đa niệm, mà chỉ ‘Chuyên tu niệm Phật’.

Người khai sáng Tịnh độ tông Nhật Bản là Pháp Nhiên Thượng nhân, một hóa thân của Bồ tát Đại Thế Chí, đã nói về yếu nghĩa của việc ‘niệm Phật vãng

sinh Cực Lạc’ là: “Tin giữ nhất niệm vãng sanh, hành siêng một đời đa niệm.”³ Nghĩa là, đối với những người có tín tâm, hãy tin rằng nhất niệm cũng dẫn đến sự vãng sanh; đối với những người thực hành, hãy siêng năng đa niệm xưng danh suốt một đời người. Nói cách khác, một người dù chỉ có chút nhân duyên ở đời này, vào lúc lâm chung chỉ niệm được một câu “Nam mô A Di Đà Phật”, Đức Phật A Di Đà chắc chắn không trái bản hoài thệ nguyện của mình, Ngài sẽ tiếp dẫn người đó về Tịnh độ Cực Lạc.

Mở đầu phần Nhất niệm, Thân Loan Thánh nhân nói: “*Đừng nghĩ rằng ‘nhất niệm’ là sai lầm*”, cho thấy Thân Loan rất coi trọng ‘Nhất niệm’ trong ý nghĩa ‘tín nhất niệm’ và ‘hành nhất niệm’. Thân Loan làm sáng tỏ nghĩa ‘Tín tâm chánh nhân’⁴, cho rằng, khi một người có ‘Tín nhất niệm’ thì sự vãng sanh Tịnh độ đã được quyết định, và tín tâm đó sẽ trở thành đa niệm của danh hiệu mà được thực hành suốt cuộc đời. Ngoài ra, ‘Hành nhất niệm’ nghĩa là đức bản của danh hiệu được thể hiện ở một tiếng xưng danh đầu tiên, và vì xưng danh là hành động biểu hiện đầy đủ đức bản của danh hiệu, cho nên mỗi tiếng xưng danh đều là chánh định nghiệp. Tuy nhiên, dù đa niệm hay nhất niệm thì cũng phải thâm tín và nương theo bản nguyện lực của Đức Phật A Di Đà thì sẽ được vãng sanh về Báo độ chân thật. Trong ‘Niệm Phật vãng sanh’, nhất niệm và đa niệm không tách rời nhau mà chúng tương tức với nhau.

Khẩu Truyền Sao của Giác Như Thượng nhân có nói: “Tinh yếu của Tịnh độ Chân tông là lấy ‘Nhất niệm vãng sanh’ làm căn bản. Vì sao? Nguyện thành tựu vẫn có ghi: ‘Nghe danh hiệu Ngài, tín tâm hoan hỷ, dù chỉ một niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh nước ấy, liền được vãng sanh, trú Bất thoái chuyển.’”⁵

³ “Tín thủ nhất niệm vãng sanh; hành cần nhất sanh đa niệm.” (信取一念往生; 行勤一生多念.)

⁴ Tín tâm chánh nhân (信心正因): Trong nguyện thứ 17, mười phương chư Phật đều ngợi khen danh hiệu của Đức Phật A Di Đà. Nguyện thứ 18 là thệ nguyện tín tâm và xưng danh; tiếp theo sau tín tâm là thực hành xưng danh, cho nên tín tâm là chánh nhân của vãng sanh thành Phật.

⁵ Kinh Vô Lượng Thọ, quyển Hạ, tr. 272b11.

Cuốn sách kết thúc bằng câu, “Để ngay cả những người ở nông thôn không biết đọc cũng có thể dễ dàng hiểu”, có vẻ như mong muốn của Thánh nhân là truyền đạt bản nguyện của Đức Phật A Di Đà đến càng nhiều người càng tốt bằng ngôn từ giản dị nhất.

San Francisco, ngày 24 tháng 11 năm 2024

Phật tử Quảng Minh kính ghi

NHẤT NIỆM ĐA NIỆM VĂN Ý

一念多念証文意

No. 2657

VĂN Ý VỀ NHẤT NIỆM

Đừng nghĩ rằng ‘nhất niệm’ là sai lầm.

(1) Văn ý của “Hằng nguyện nhất thiết”

*Hằng nguyện tất cả khi lâm chung
Thắng duyên thắng cảnh đều hiện tiền.⁶*

[Hằng nguyện nhất thiết lâm chung thời
Thắng duyên thắng cảnh tất hiện tiền.
恒願一切臨終時
勝緣勝境悉現前.]

Hằng, là thường (常). *Nguyện*, là mong muốn, nguyện cầu. *Thường*, là không bao giờ ngừng lại, cũng có nghĩa là chúng ta nên tỉnh thoảng nguyện cầu. *Thường*, có nghĩa là ‘luôn luôn’, cũng có nghĩa ‘tiếp tục không ngừng’. Nói cách

⁶ Vãng Sanh Lễ Tán Kệ, No. 1980, Thiện Đạo tập ký, tr. 440b19.

khác, *Thường*, là không bao giờ ngừng nghỉ ở mọi lúc, và không tránh né ở mọi nơi.

Nhất thiết lâm chung thời: tất cả chúng sanh nguyện sanh tịnh độ Cực Lạc đều mong đến khi lâm chung.

Thắng duyên thắng cảnh: mong được chiêm ngưỡng Đức Phật, nhìn thấy quang minh, ngửi thấy mùi hương kỳ lạ và gặp được sự hướng dẫn của một vị thiện tri thức.

Tất hiện tiền: mong nhìn thấy mọi điều kỳ diệu này xuất hiện trước mắt mình.

(2) Văn ý của Bản nguyện thành tựu văn

Kinh Vô Lượng Thọ có nói:

*“Có những chúng sanh nghe danh hiệu ấy, tín tâm hoan hỷ, dù chỉ một niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh nước kia, liền được vãng sanh, trú Bất thoái chuyển.”*⁷

[Chư hữu chúng sanh, văn kỳ danh hiệu, tín tâm hoan hỷ, nãi chí nhất niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc, tức đắc vãng sanh, trụ bất thoái chuyển. 諸有眾生, 聞其名號, 信心歡喜, 乃至一念, 至心迴向, 願生彼國, 即得往生, 住不退轉.]

Chư hữu chúng sanh: tất cả chúng sanh trong mười phương.

⁷ Kinh Vô Lượng Thọ, No. 360, quyển hạ, tr. 272b11: Chư hữu chúng sanh, văn kỳ danh hiệu, tín tâm hoan hỷ, nãi chí nhất niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc, tức đắc vãng sanh, trụ bất thoái chuyển. (諸有眾生, 聞其名號, 信心歡喜, 乃至一念, 至心迴向, 願生彼國, 即得往生, 住不退轉.)

Văn kỳ danh hiệu: nghe danh hiệu của bản nguyện. *Văn*, là nghe đến bản nguyện của Như Lai mà không có chút nghi ngờ nào. Lại nữa, nghe như vậy là biểu hiện của tín tâm.

Tín tâm hoan hỷ, nãi chí nhất niệm: *Tín tâm*, là không còn tâm nghi ngờ khi nghe đến bản nguyện của Như Lai. *Hoan hỷ*: *Hoan*, là niềm vui tràn ngập trong thân thể; *hỷ*, là niềm vui tràn ngập trong tâm ý; nghĩa là vui mừng trước khi đạt được sự vãng sinh Tịnh độ, biết chắc chắn sẽ đạt được điều đó. *Nãi chí*, là bao gồm tất cả mọi thứ, dù nhiều hay ít, dài hay ngắn, trước hay sau. *Nhất niệm*, là diễn tả khoảnh khắc một người có được tín tâm.

Chí tâm hồi hướng: *Chí tâm*, là từ ngữ chỉ cho ‘chân thật’. Chân thật ấy chính là tâm của A Di Đà Như Lai. *Hồi hướng*, là Đức Phật A Di Đà ban tặng danh hiệu của bản nguyện cho chúng sanh khắp mười phương.

Nguyện sanh bỉ quốc: *Nguyện sanh*, là tất cả chúng sanh đều nguyện được sanh về Báo độ chân thật của bản nguyện thành tựu. *Bỉ quốc*, chỉ cho quốc độ An Lạc.

Tức đắc vãng sanh: *Tức*, là ngay lập tức, là khoảnh khắc mà địa vị được xác định. *Đắc*, là đạt được những gì cần đạt được. Khi một người có được tín tâm chân thật, ngay lập tức Đức Phật Vô Ngại Quang sẽ nhiếp thủ người đó trong tâm và không bao giờ bỏ rơi. *Nhiếp thủ*, là nắm lấy và giữ chặt. Khi được Đức Phật Vô Ngại Quang nhiếp thủ, ngay lập tức – không một khoảnh khắc hay một ngày nào trôi qua – chúng ta được xác định và an trú địa vị Chánh định tị; đây là ý nghĩa của ‘*đắc vãng sanh*’.

(3) Văn ý của Nguyện thứ 11

Thệ nguyện ‘Tất chí diệt độ’⁸ được ghi trong Đại Kinh:

“*Nhược ngã đắc Phật, quốc trung nhân thiên, bất trụ định tụ, tất chí diệt độ, bất thủ Chánh giác.*” [設我得佛, 國中人人, 不住定聚, 必至滅度者, 不取正覺.]⁹

Lại nữa, Pháp Hội Vô Lượng Thọ Như Lai nói:

“*Nhược ngã thành Phật, quốc trung hữu tình, nhược bất quyết định, thành Đẳng chánh giác, chứng Đại Niết Bàn giả, bất thủ Bồ đề.*” [若我成佛, 國中有情, 若不決定, 成等正覺, 證大涅槃者, 不取菩提.]¹⁰

Đoạn văn ‘Nguyện thành tựu’ trong Đại Kinh mà Đức Thích Ca Như Lai đã nói:

“*Kỳ hữu chúng sanh, sanh bỉ quốc giả, giai tất trụ u chánh định chi tụ, sở dĩ giả hà? Bỉ Phật quốc trung, vô chư tà tụ, cập bất định tụ.*” [其有眾生, 生彼國者, 皆悉住於正定之聚, 所以者何? 彼佛國中, 無諸邪聚, 及不定聚.]¹¹

Dịch nghĩa của những lời tuyên bố này, trước hết là lời nguyện ‘Tất chí diệt độ’ trong Kinh Vô Lượng Thọ nói rằng: “*Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhân ở nước tôi, chẳng trú chánh định tụ, ắt phải đến diệt độ, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.*”

⁸ Tất chí diệt độ nguyện (必至滅度願): Cũng gọi Vãng tướng chứng quả nguyện (往相證果願), Trụ chánh định tụ tất chí Bồ-đề nguyện (住正定聚必至菩提願), Lưu tận vị nguyện (漏盡位願), Vô thượng Niết-bàn nguyện (無上涅槃願), Chứng đại niết-bàn nguyện (證大涅槃願), Trụ chánh định tụ nguyện (住正定聚願), Linh trụ chính định tụ nguyện (令住正定聚願). Nguyện ắt phải đến diệt độ, là lời nguyện thứ 11 trong 48 nguyện của Đức Phật A Di Đà khi còn là tỳ kheo Pháp Tạng ở địa vị tu nhân. Tức Đức Phật A Di Đà nguyện rằng, tất cả người, trời trong cõi nước của Ngài đều trụ trong Chánh định tụ, cho đến diệt độ, đạt được đại quả Niết-bàn, nếu không như thế thì Ngài không thành Chánh giác. Kinh Vô Lượng Thọ, quyển thượng (Đại 12, 268 thượng), nói: “Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhân ở nước tôi, chẳng trú chánh định tụ, ắt phải đến diệt độ, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

⁹ Kinh Vô Lượng Thọ, quyển thượng, tr. 268a11.

¹⁰ Kinh Đại Bảo Tích, Vô Lượng Thọ Như Lai Hội, tr. 93c07.

¹¹ Kinh Vô Lượng Thọ, quyển hạ, tr. 272b08.

Tiếp theo là Vô Lượng Thọ Như Lai Hội nói: *“Giả sử khi tôi thành Phật, những hữu tình ở nước tôi, nếu chẳng nhất định thành Đẳng chánh giác, chứng Đại Niết bàn, thì tôi chẳng lấy ngôi Bồ đề.”*

Cuối cùng, những gì Bồ tát Pháp Tạng đã phát nguyện, và Đức Thích Ca Thế Tôn đã dạy cho chúng sanh ở trong thời kỳ đầy đầy năm thứ vẫn đục, ý nghĩa của câu đó là: *“Nếu có chúng sanh nào muốn sanh về nước kia thì thấy đều an trú Chánh định tụ. Vì sao vậy? Vì trong nước Phật kia không có những tà tụ và bất định tụ.”*

Theo lời dạy của Đức Phật A Di Đà và Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, *“tức đắc vãng sanh”* có nghĩa là đạt được địa vị Chánh định tụ, cũng được gọi là *“trú Bất thối chuyển”*. Nếu một người đạt được địa vị Chánh định tụ, người ấy chắc chắn sẽ chứng quả Vô thượng Đại Niết bàn, *“thành Đẳng chánh giác”*, như trong Vô Lượng Thọ Như Lai Hội đã nói. Bồ tát Long Thọ nói rằng, người ấy sẽ đạt đến *“A bì bạt tri”* hay *“A duy việt tri”*, nghĩa là *“Tức thời nhập Tất định”*¹².

(4) Văn ý của “Thứ như Di Lạc”

Chân thật tín tâm vào bản nguyện tha lực là Hoành siêu kim cương tâm¹³. Quả thực, Đại Kinh nói rằng, người ‘tha lực niệm Phật’ thì “Thứ như Di Lạc”¹⁴ (Vị

¹² Luận Thập Trụ Tỳ bà sa, quyển 5, phẩm Di Hành, tr. 43a20: “Người luôn niệm Phật này, Vô lượng lực công đức, Tức thời nhập Tất định, Cho nên con thường niệm.” (Nhân năng niệm thị Phật, Vô lượng lực công đức,即時入必定,是故我常念.) Tất định, nghĩa là Bất thối chuyển, là cần phải mau chóng đi đến Bất thối chuyển, chính yếu là đem cái tâm cung kính mà “chấp trì danh hiệu”. Vì vậy, “xưng danh tự quy, tức nhập Tất định” (稱名自歸, 即入必定) [tr. 43a10] biểu thị cho sự xưng danh niệm Phật “nãi chí thập niệm” ở trong nguyện thứ 18; đồng thời, vì nguyện thứ 18 đã thành tựu bởi Đức Phật A Di Đà, cho nên chúng sanh có thể đạt được công đức “Tức nhập Tất định”.

¹³ Hoành siêu (橫超): Vượt ngang. Chỉ cho pháp môn không cần phải trải qua thứ tự các giai vị mà hành giả có thể đạt được Vô thượng Niết bàn một cách nhanh chóng. Một trong Nhị song tứ trùng giáo phán (二雙四重教判) của Tịnh độ Chân tông Nhật bản. Pháp môn này tức là ý nghĩa chân thật của bản nguyện Di Đà. Ngài Thiện Đạo, Tổ sư của Tịnh độ tông Trung quốc, đã căn cứ vào ý nghĩa của câu: Hoành tiệt ngũ ác thú, ác thú tự nhiên bế (橫截五惡趣, 惡趣自然閉. Cắt ngang năm đường ác, đường ác tự nhiên dứt) trong kinh Vô Lượng Thọ quyển hạ (Đại 12, 274 trung) mà lập thuyết Hoành siêu đoạn tứ lưu (橫超斷四流. Vượt ngang dứt bốn dòng), tức có hàm nghĩa Nhất

thứ ngang hàng với Di Lặc). Ngài Di Lặc là vị Bồ tát của Thụ siêu Kim cương tâm. *Thụ* (豎), là chiều dọc. *Thụ*, chỉ cho những người tu theo Thánh đạo môn, đó là ‘nan hành đạo’ được thực hiện bằng ‘tự lực’. *Hoành* (橫), có nghĩa là ‘chiều ngang’, và *Siêu* (超), có nghĩa là ‘vượt qua’. Điều này có nghĩa là, khi chúng ngồi trên con thuyền Bản nguyện tha lực của Đức Phật A Di Đà, chúng ta sẽ ‘vượt ngang’ biển cả sanh tử và đến được bến bờ Báo độ chân thật.

Thứ như Di Lặc: *Thứ*, là gần, tiếp theo. *Gần*, có nghĩa là Bồ tát Di Lặc chắc chắn sẽ chứng quả Đại Niết bàn. Do đó mà Đức Phật tuyên bố, “*Ngang hàng như Di Lặc*”. Nói cách khác, ngay cả những người thực hành niệm Phật có tín tâm vào tha lực cũng có thể tiếp cận Đại Niết bàn. Những người niệm Phật có tín tâm vào tha lực là muốn cận kề. *Tiếp theo*, có nghĩa là sau 56 ức 7 ngàn vạn năm (5 tỷ 670 triệu năm), Bồ tát Di Lặc chắc chắn sẽ đạt đến địa vị Diệu giác và trở thành vị Phật tiếp theo trên thế gian này sau Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. *Như*, là đồng (同), nghĩa là tương đồng. Những người có tín tâm chân thật vào tha lực thì ‘đồng như Di Lặc’, họ vươn lên địa vị Bất thối chuyển trong đời này và chắc chắn sẽ đạt được Đại Bát Niết bàn.

(5) Văn ý của “Khắc niệm nguyện sanh”

thừa đốn giáo trong đó. Ngài Thân Loan, Tổ khai sáng của Tịnh độ Chân tông Nhật bản, noi theo thuyết của ngài Thiện Đạo, cho rằng *Hoành siêu* tức là ý nghĩa chọn Báo độ chân thật của bản nguyện thì liền được vãng sanh. Cũng tức là đối với bản nguyện của Đức Phật A Di Đà một lòng tin sâu, không hoài nghi, theo nguyện lực của Ngài mà tu hành, tâm không tán loạn, thì sau khi mạng chung sẽ trực tiếp được sanh về Báo độ chân thực. Vì *Hoành siêu* là nhờ vào bản nguyện tha lực của Phật nên bản nguyện của Ngài cũng được gọi là *Hoành siêu đại thệ nguyện* (橫超大誓願). Ngoài ra, do sự hồi hướng bản nguyện lực của Tín tâm kim cương có khả năng cắt ngang 5 đường ác, siêu chứng Đại niết bàn, cho nên cũng gọi là *Hoành siêu kim cương tâm* (橫超金剛心).

¹⁴ Thứ như Di Lặc (次如彌勒). Kinh Vô Lượng Thọ: “Đức Phật bảo Di Lặc: Ở thế giới này có sáu mươi bảy ức Bất thối Bồ tát vãng sanh về quốc độ kia. Mỗi Bồ tát đã từng cúng dường vô số chư Phật, vị thứ ngang hàng với Bồ tát Di Lặc vậy. (Phật cáo Di Lặc, ư thử thế giới, hữu lực thập thất ức bất thối bồ tát, vãng sanh bỉ quốc. Nhất nhất bồ tát dĩ tăng cúng dường vô số chư Phật, thứ như Di Lặc giả dã. 佛告彌勒：於此世界，有六十七億不退菩薩，往生彼國。一一菩薩已曾供養無數諸佛，次如彌勒者也。)

Tịnh Độ Luận có ghi:

“*Kinh ngôn: Nhược nhân đản văn bỉ quốc độ thanh tịnh an lạc, khắc niệm nguyện sanh, diệt đắc vãng sanh, tức nhập Chánh định tụ. Thử thị quốc độ danh tự vi Phật sự, an khả tư nghị.*” [經言: 若人但聞彼國土清淨安樂, 剋念願生, 亦得往生則入正定聚. 此是國土名字爲佛事, 安可思議.]¹⁵

Đoạn văn này ý là, Kinh nói rằng, nếu người nào chỉ nghe quốc độ kia thanh tịnh an lạc mà khắc ghi, nghĩ nhớ, phát nguyện sanh về, thì cũng được vãng sanh, và liền nhập Chánh định tụ. Đây chỉ là ‘tên gọi của quốc độ’ mà có thể thực hiện được Phật sự [cứu độ chúng sanh], làm sao nghĩ bàn được điều này!

Vậy nên, hãy biết rằng, mặc dù họ không tìm kiếm hay biết đến những công đức bất khả xung, bất khả thuyết, bất khả tư nghị của Tịnh độ An Lạc, nhưng những ai có tín tâm vào bản nguyện sẽ đạt được ước nguyện vãng sanh.

(6) Văn ý của câu văn: “Tiện đồng Di Lạc”

Lại nữa, Vương Nhất Hưu có nói trong Long Thư Tịnh Độ Văn:

“*Niệm Phật chúng sanh tiện đồng Di Lạc.*” [念佛眾生便同彌勒. Chúng sanh niệm Phật liền ngang hàng Bồ tát Di Lạc.]¹⁶

Niệm Phật chúng sanh: là người có được Kim cương tín tâm¹⁷. *Tiện*, là tức thời, ngay lập tức, cũng có nghĩa là phương tiện. Bằng phương tiện của tín tâm

¹⁵ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá Nguyên Sanh Kệ Chú, quyển hạ, tr. 838a14.

¹⁶ Nguyên văn trong Long Thư Tịnh Độ Văn, quyển 5, tr. 283a23: Nhất niệm vãng sanh tiện đồng Di Lạc. (一念往生便同彌勒. Một niệm vãng sanh liền ngang hàng với Bồ tát Di Lạc.)

¹⁷ Chân thật tín tâm còn được gọi là Kim cương tín tâm (金剛信心). Một khi tiếp nhận được tín tâm ấy thì niệm niệm tương tục, không bao giờ mất đi. Tín tâm ấy là vô giá, vì nó không phải là thứ mà phàm phu tạo ra bằng chính tâm trí của mình, mà là tín tâm được tiếp nhận từ Đức Phật A Di Đà. Tín tâm ấy tương tục cho đến khi mạng chung, và vào giây phút mạng tận thì tức khắc vãng sanh Cực Lạc.

[vào tha lực hồi hướng] mà ngay lập tức hành giả xác quyết và an trú địa vị Chánh định tụ. *Đồng*, là tương đồng. Người niệm Phật sẽ đạt đến Vô thượng Niết bàn, giống như Bồ tát Di Lặc.

(7) Văn ý của Phân đà lợi hoa

Lại nữa, Quán Kinh có ghi: “Nhược niệm Phật giả, đương tri thử nhân, thị nhân trung Phân đà lợi hoa.” [若念佛者, 當知此人, 是人中芬陀利華.]¹⁸

Niệm Phật giả: chỉ cho những người niệm Phật.

Đương tri thử nhân, thị nhân trung Phân đà lợi hoa: Với những lời này, Như Lai ví những người niệm Phật như hoa Phân đà lợi, “đó là một loài hoa đẹp trong loài người, cũng gọi là loài hoa hiếm có, cũng gọi là loài hoa thượng thượng trong loài người, cũng gọi là loài hoa tốt đẹp trong loài người.” Hòa thượng chùa Quang Minh giải thích: “Người niệm Phật chính là người tốt trong loài người, là người tốt đẹp trong loài người, là người thượng thượng trong loài người, là người hiếm có trong loài người, là người tối thắng trong loài người.”¹⁹

(8) Văn ý của “Nhiếp thủ bất xả”

Lại nữa, khi giảng về sự lợi ích của Hiện sanh hộ niệm, có nói:

“Đăn hữu chuyên niệm A Di Đà Phật chúng sanh, bỉ Phật tâm quang, thường chiếu thị nhân, nhiếp hộ bất xả, tổng bất luận chiếu nhiếp dư tạp nghiệp hành giả. Thử diệc thị Hiện sanh hộ niệm tăng thượng duyên.” [但有專念阿彌陀]

¹⁸ Kinh Quán Vô Lượng Thọ, tr. 346b12: “Nếu có người niệm Phật, nên biết người đó là hoa Phân đà lợi trong loài người.”

¹⁹ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ, Tán thiện nghĩa, tr. 278a17.

佛眾生，彼佛心光 常照是人，攝護不捨，總不論照攝余雜業行者。此亦是現生護念增上緣。]²⁰

Về ý nghĩa của đoạn văn này:

Đẫn hữu chuyên niệm A Di Đà Phật chúng sanh: có những chúng sanh tín tâm và chuyên niệm Đức Phật A Di Đà Phật.

Bỉ Phật tâm quang: Bỉ, chỉ cho ‘Ngài ấy’. *Phật tâm quang*, là tâm của Đức Phật Vô Ngại Quang.

Thường chiếu thị nhân: Thường, là luôn luôn, không một giây ngừng nghỉ. *Chiếu*, là soi sáng. Người có tín tâm chân thật thì luôn được Đức Phật A Di Đà soi sáng và hộ niệm ở mọi lúc mọi nơi. Vì người ấy luôn được tâm quang của Đức Phật A Di Đà soi sáng và hộ niệm không ngừng, nên được mệnh danh là Bất Đoạn Quang Phật. *Thị nhân*: chữ ‘thị’ (是) đổi lại với chữ ‘phi’ (非).²¹ Những người có tín tâm chân thật được gọi là ‘thị nhân’ (是人, là con người). Những người hư giả không thật và hoài nghi mê mờ đều là ‘phi nhân’ (非人, chẳng phải con người). Phi nhân là người mà không xứng là con người, họ là những người giả dối. Thị nhân là những người chân thật.

Nhiếp hộ bất xả: *Nhiếp*, là nhiếp thủ. *Hộ*, là giữ gìn, bảo vệ. Đức Phật bảo vệ người có tín tâm ở mọi nơi, mọi lúc, và không phân biệt đối xử giữa mọi người. Được ‘*nhiếp hộ*’ tức là tín tâm của mình không bị những kẻ dị học, dị kiến phá vỡ, không bị những kẻ có biệt giải, biệt hành cản trở, không bị Thiên ma ba tuần đe dọa, không bị ác quỷ, ác thần nhiễu loạn. *Bất xả*, là người có tín tâm được nhiếp

²⁰ Quán Niệm A Di Đà Phật Tướng Hải Tam Muội Công Đức Pháp Môn (gọi tắt là Quán Niệm Pháp Môn), No. 1957, Đại sư Thiện Đạo tập ký, tr. 25b01: “Chỉ có chúng sanh chuyên niệm A Di Đà Phật, thì tâm quang Phật kia thường chiếu người ấy, nhiếp hộ không bỏ, hoàn toàn không nói tới sự chiếu nhiếp hành giả tạp nghiệp khác. Đây cũng là Hiện sanh hộ niệm tăng thượng duyên.”

²¹ Thị phi (是非): đúng sai, phải trái.

thủ và bảo hộ bởi Đức Phật Trí Tuệ Quang, và người đó không bao giờ bị bỏ rơi, mà luôn an trú trong tâm quang của Ngài.

Tổng bất luận chiếu nhiếp dư tạp nghiệp hành giả: Tổng, chỉ cho tất cả. *Bất luận*, là không bàn đến. *Chiếu nhiếp*, là chiếu soi và nhiếp hộ. *Dư tạp nghiệp*: Tất cả người thực hành thiện nghiệp, người tạp hành tạp tu đều không được chiếu soi, không được nhiếp hộ. Những người tạp hành tạp tu khác đều không tin vào bản nguyện, cho nên họ không được quang minh của Đức Phật A Di Đà chiếu soi và nhiếp hộ, vì vậy họ không nhận được sự lợi ích của ‘nhiếp thủ bất xả’. Điều này có nghĩa là họ không được nhiếp hộ trong đời này.

Thử diệc thị Hiện sanh hộ niệm: là được Đức Phật A Di Đà hộ niệm ngay trong đời hiện tại. Bản nguyện nghiệp lực của Đức Phật A Di Đà là duyên tố thù thắng để người có tín tâm đạt được sự vãng sanh, nên gọi là *Tăng thượng duyên*. Như Kinh Hoa Nghiêm mô tả, người có được tín tâm mà hoan hỷ, người ấy “Ngang bằng chư Như Lai”²².

(9) Văn ý của “Ngã diệc tại bỉ”

Hòa thượng Nguyên Tín của Thủ Lăng Nghiêm Viện dạy rằng:

“*Ngã diệc tại bỉ, nhiếp thủ chi trung, phiền não chướng nhãn, tuy bất năng kiến, đại bi vô quyện, thường chiếu ngã thân.*” [我亦在彼, 攝取之中, 煩惱障眼, 雖不能見, 大悲無倦, 常照我身.]²³

²² Kinh Hoa Nghiêm, quyển 60, phẩm Nhập Pháp Giới, tr. 788a29: “Nghe pháp này hoan hỷ, Ai tín tâm không nghi, Mau thành Vô thượng đạo, Ngang bằng chư Như Lai.” (Văn thử pháp hoan hỷ, Tín tâm vô nghi giả, Tốc thành vô thượng đạo, Dữ chư Như lai đẳng. 聞此法歡喜, 信心無疑者, 速成無上道, 與諸如來等.)

²³ Vãng Sanh Yếu Tập (往生要集), No. 2682, 3 quyển, Sa môn Nguyên Tín soạn, quyển trung, tr. 56a23: ““Con cũng ở trong sự nhiếp thủ [bất xả] của Đức Phật A Di Đà, mặc dù con mắt ‘phiền não chướng’ của con không nhìn thấy [ánh sáng của Phật], nhưng tâm đại bi ‘không mệt mỏi’ của Phật thường chiếu thân con.” Trước đoạn văn này là: “Cực trọng ác nhân, vô tha phương tiện, duy xưng Di Đà, đắc sanh Cực Lạc.” (極重惡人, 無他方便, 唯稱彌陀, 得生極樂. Không có cách nào khác để những kẻ xấu xa, ác độc nhất được sanh về Cực Lạc ngoài việc xưng niệm A Di Đà Phật.)

Ý nghĩa của câu này là: “Mặc dù con cũng được Đức Phật A Di Đà nhiếp thủ ở trong ánh sáng của Ngài, nhưng vì mắt con bị phiền não trở ngại, khiến con không nhìn thấy, tuy nhiên tâm đại bi ‘không mệt mỏi’ của Phật thường chiếu thân con.”

(10) Văn ý của Phó chúc Di Đà văn

“Kỳ hữu đắc văn, bỉ Phật danh hiệu, hoan hỷ dũng được, nãi chí nhất niệm, đương tri thử nhân vi đắc đại lợi, tắc thị cụ túc vô thượng công đức. [其有得聞, 彼佛名號, 歡喜踊躍, 乃至一念, 當知此人 為得大利, 則是具足 無上功德. Có ai được nghe danh hiệu Phật kia, hoan hỷ phấn chấn, dù chỉ một niệm, phải biết người ấy đã được đại lợi, là đã đầy đủ công đức vô thượng.]”²⁴

²⁴ Kinh Vô Lượng Thọ, quyển hạ, tr. 279a01. Đây là một trong “Đại Kinh ngũ văn” (大經五文). Đại Kinh là Kinh Vô Lượng Thọ, gồm hai quyển, tổng cộng có 17.434 chữ. Ngũ văn là: (1) Xuất thế bản hoài văn (出世本懷文), 31 chữ: Như Lai dĩ vô tận đại bi, cang ai tam giới, sở dĩ xuất hưng ư thế, quang xiển đạo giáo, dục chủng tể quần manh, huệ dĩ chân thật chi lợi. 如來以無盡大悲, 矜哀三界, 所以出興於世, 光闡道教, 欲拯濟群萌, 惠以真實之利。(Đức Như lai đem tâm đại bi vô tận, thương xót khắp ba cõi, cho nên xuất hiện ở thế gian, khai sáng đạo giáo, muốn cứu vớt tất cả quần manh, ban cho lợi ích chân thật.) (2) Di Đà bản nguyện văn (彌陀本願文), 36 chữ: Thiết ngã đắc Phật, thập phương chúng sanh, chí tâm tín lạc, dục sanh ngã quốc, nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ chánh giác; duy trừ ngũ nghịch, phi báng chánh pháp. 設我得佛, 十方眾生, 至心信樂, 欲生我國, 乃至十念, 若不生者, 不取正覺; 唯除五逆, 誹謗正法。(Giả sử khi tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương mà chí tâm tín lạc, muốn sanh về nước tôi, nhứt đến mười niệm, nếu không được sanh thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác, chỉ trừ kẻ tạo tội ngũ nghịch và hủy báng chánh pháp.) (3) Bản nguyện thành tựu văn (本願成就文), 40 chữ: Chư hữu chúng sanh, văn kỳ danh hiệu, tín tâm hoan hỷ, nãi chí nhất niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc, tức đắc vãng sanh, trụ bất thối chuyển; duy trừ ngũ nghịch, phi báng chánh pháp. 諸有眾生, 聞其名號, 信心歡喜, 乃至一念, 至心迴向, 願生彼國, 即得往生, 住不退轉; 唯除五逆, 誹謗正法。(Có những chúng sanh nghe danh hiệu Đức Phật ấy, tín tâm hoan hỷ, dù chỉ một niệm, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh về nước ấy, thì liền được vãng sanh, trú Bất thối chuyển, chỉ trừ kẻ phạm tội ngũ nghịch và hủy báng chánh pháp.) (4) Phó chúc Di Đà văn (付囑彌勒文), 32 chữ: Kỳ hữu đắc văn, bỉ Phật danh hiệu, hoan hỷ dũng được, nãi chí nhất niệm, đương tri thử nhân vi đắc đại lợi, tắc thị cụ túc vô thượng công đức. 其有得聞, 彼佛名號, 歡喜踊躍, 乃至一念, 當知此人 為得大利, 則是具足 無上功德.(Có ai được nghe danh hiệu Phật kia, hoan hỷ phấn chấn, dù chỉ một niệm, phải biết người ấy đã được đại lợi, là đã đầy đủ công đức vô thượng.) (5) Đặc lưu thử kinh văn (特留此經文), 38 chữ: Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận, ngã dĩ từ bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh, chỉ trụ bách tuế. Kỳ hữu chúng sanh, trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ. 當來之世, 經道滅盡, 我以慈悲哀愍, 特留此經, 止住百歲. 其有眾生, 值斯經者, 隨意所願, 皆可得度.(Ở đời tương lai, lúc kinh pháp diệt tận, ta đem tâm từ bi thương xót, đặc biệt lưu kinh này lại một trăm năm. Có chúng sanh nào gặp được kinh này, thì tùy ý sở nguyện, đều được độ thoát.) Đếm hết có 177 chữ.

Kỳ hữu đắc văn, bỉ Phật danh hiệu: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khuyên chúng ta hãy tín tâm vào danh hiệu và bản nguyện.

Hoan hỷ dũng được, nãi chí nhất niệm: *Hoan hỷ*, là một cảm giác vui sướng xuất hiện khi nhận ra một điều gì đó nên làm. *Dũng*, là nhảy lên trời. *Được*, là nhảy xuống đất.²⁵ Đó là sự biểu hiện của niềm vui vô hạn và trạng thái khánh lạc. *Khánh*, là vui mừng với những gì mình đạt được, và *Lạc* có nghĩa là tận hưởng niềm vui đó. Đây là sắc thái của một người đạt được Chánh định tụ. *Nãi chí*, là số lần xưng danh không có định. *Nhất niệm*, là nền tảng của công đức; vạn đức được chứa đựng trong một niệm và vạn thiện cũng cũng hiện diện trong một niệm.

Đương tri thử nhân: chỉ cho người có được tín tâm.

Vi đắc đại lợi: là sẽ chứng đắc Vô thượng Niết bàn. Do đó nói thêm rằng, “*Tắc thị cụ túc vô thượng công đức*”. *Tắc*, là lập tức, cũng có nghĩa là pháp tắc. Một niệm tín tâm vào bản nguyện của Như Lai thì chắc chắn sẽ đạt được công đức vô thượng, và cũng sẽ đạt được lợi ích quảng đại. Đây chính là pháp tắc (法則), nhờ đó hành giả sẽ lập tức nhận ra những khía cạnh khác nhau của sự giác ngộ một cách tự nhiên.

Pháp tắc không xảy ra theo bất kỳ cách nào bởi sự kế đặc của hành giả, mà ngay từ đầu nó đã trao cho hành giả những lợi ích bất khả tư nghị. Nó cho thấy bản chất của tín tâm. Pháp tắc thể hiện trạng thái tự nhiên của người có được ‘nhất niệm tín tâm’²⁶.

Rút từ một vạn tám ngàn lời mà thành hơn trăm chữ vàng, có ra năm đoạn văn này, giống như biển cạn được ngọc, phải nhờ con mắt kim cương.

²⁵ Dũng được 踊躍: Nhảy nhót, nhảy lên, nhảy căng lên vì vui sướng, sôi nổi, nhiệt tình, hăng hái, phấn khởi, phấn chấn.

²⁶ Nhất niệm tín tâm phát huy được chí đức của danh hiệu, cùng tận công đức của danh hiệu, viên mãn tràn đầy nơi thân ta. Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Có ai được nghe danh hiệu đức Vô Thượng Thọ Phật mà hớn hở vui mừng cho đến chừng một niệm, phải biết người ấy đã được lợi ích rất lớn, là đã đầy đủ công đức vô thượng.” Tịnh Độ Luận nói: “Quán Phật Bản nguyện lực, Ai gặp không luống qua, Khiến được mau đầy đủ, Biển báu lớn công đức.” khi có được một niệm tín là đã đầy đủ chí đức, thì chuyển được ác nặng ba đời, khiến thành tận thiện là Bồ đề.

(11) Văn ý của Thành tựu văn của Nguyên thứ 11

“Kỳ hữu chúng sanh, sanh bỉ quốc giả, giai tất trụ ư chánh định chi tụ. Sở dĩ giả hà? Bỉ Phật quốc trung, vô chư tà tụ cập bất định tụ.” [其有眾生，生彼國者，皆悉住於正定之聚。所以者何？彼佛國中，無諸邪聚，及不定聚。 Nếu có chúng sanh nào sanh về nước kia thì thấy đều trú Chánh định tụ. Vì sao? Vì trong nước Phật kia không có những Tà tụ và Bất định tụ.]²⁷

Trong Đại Kinh có nói: “*Vô chư Tà tụ cập Bất định tụ.*” Vô, là không có. *Chư*, là mọi thứ. *Tà tụ*, chỉ cho những người tập hành tạp tu, chư hành vạn thiện, và họ không được sanh về Báo độ chân thật. *Cập*, là và, cùng với. *Bất định tụ*, là những người niệm Phật bằng tự lực, tức những người niệm Phật mà còn nghi ngờ bản nguyện, và họ không được sanh về Báo độ chân thật. Chỉ những người Chánh định tụ mới được sanh về Báo độ chân thật.

Những đoạn văn trên là chứng cứ trong Kinh điển cho lời dạy về “Nhất niệm”. Tôi chưa giải thích chúng đầy đủ như tôi muốn, nhưng hãy sử dụng những ghi chú này, hãy khám phá ý nghĩa sâu xa hơn của chúng.

²⁷ Tất chí diệt độ nguyện (必至滅度願): Cũng gọi Vãng tướng chứng quả nguyện (往相證果願), Trụ chánh định tụ tất chí Bồ-đề nguyện (住正定聚必至菩提願), Lưu tận vị nguyện (漏盡位願), Vô thượng Niết-bàn nguyện (無上涅槃願), Chứng đại niết-bàn nguyện (證大涅槃願), Trụ chánh định tụ nguyện (住正定聚願), Linh trụ chính định tụ nguyện (令住正定聚願). Nguyện ắt phải đến diệt độ, là lời nguyện thứ 11 trong 48 nguyện của Đức Phật A Di Đà khi còn là tỳ kheo Pháp Tạng ở địa vị tu nhân. Tức Đức Phật A Di Đà nguyện rằng, tất cả người, trời trong cõi nước của Ngài đều trụ trong Chánh định tụ, cho đến diệt độ, đạt được đại quả Niết-bàn, nếu không như thế thì Ngài không thành Chánh giác. Kinh Vô Lượng Thọ, quyển thượng (Đại 12, 268 thượng), nói: “Giả sử khi tôi thành Phật, hàng thiên nhân ở nước tôi, chẳng trú chánh định tụ, ắt phải đến diệt độ, thì tôi chẳng lấy ngôi Chánh giác.”

VĂN Ý VỀ ĐA NIỆM

(12) Văn ý của “Nãi chí thập niệm”

Trong Bản nguyện văn có cụm từ: “*Nãi chí thập niệm*”.²⁸

Vì trong lời thệ nguyện nói đến ‘mười niệm’, cho nên biết rằng việc xưng danh không hạn định ở ‘một niệm’. Và từ ngữ ‘nãi chí’ còn làm rõ thêm, rằng số lần xưng niệm danh hiệu là không cố định. Lời thệ nguyện này chỉ ra con đường để thực hành [nhờ tha lực] và để vãng sanh [Tịnh độ Cực Lạc]. Đây là biểu hiện cho lòng đại từ đại bi vô hạn của Đức Phật.

(13) Văn ý của Kinh A Di Đà

²⁸ Nguyên thứ 18, tức Di Đà bản nguyện văn, một trong ‘Đại Kinh ngũ văn’. Cứ theo Vãng Sanh Lễ Tán của ngài Thiện Đạo thì từ ngữ “nãi chí thập niệm” (nhấn đến mười niệm) trong văn nguyện, có hàm ý là “tối thiểu mười tiếng” (hạ chí thập thanh), tức chỉ niệm mười lần câu “Nam mô A Di Đà Phật” cũng được sanh về Tịnh độ. Vì đức Phật A Di Đà đã thành Phật rồi và hiện đang ở cõi Tịnh độ, nên lời thệ nguyện của Ngài không hề hư dối. Về từ ngữ “nãi chí thập niệm”, có nhiều thuyết: Ngài Đàm Loan chủ trương “nãi chí thập niệm” là niệm liên tục không gián đoạn. Các ngài Nguyên Hiểu, Pháp Vĩ, Huyền Nhất thì cho đó là “mười pháp mười niệm”: từ tâm, bi tâm, hộ pháp tâm, quyết định tâm, thâm tâm, nhất thiết chủng trí tâm, tôn trọng tâm, bất vị trước tâm, viễn ly tán loạn tâm, chánh niệm quán Phật tâm, được nói trong kinh Di Lạc Phát Vãng. Ngài Nghĩa Tịch thì cho niệm tức hàm ý thời gian, xưng niệm sáu chữ danh hiệu một lần là một niệm, mười lần tức thành mười niệm, trong mỗi niệm ấy tự nhiên đầy đủ mười pháp mười niệm: từ, bi, v.v. Trong Tuyển Trạch Bản Nguyện Niệm Phật Tập, ngài Nguyên Không, người Nhật Bản, cho rằng giữ giới, tụng kinh, thực hành sáu độ, công đức tuy rất lớn, có thể hồi hướng vãng sanh, nhưng đều không thù thắng bằng công đức xưng danh niệm Phật, cho nên chỉ lấy một hạnh niệm Phật làm bản nguyện vãng sanh mà thôi.

Trong bốn phương pháp niệm Phật, thì “nãi chí thập niệm” chính là Xưng danh niệm Phật, không phải Thật tướng niệm Phật, Quán tưởng niệm Phật hay Quán tượng niệm Phật. Chính Đức Phật đã giải thích “thập niệm” là “thập danh”, như trong Quán Kinh có ghi: “Hoặc có chúng sanh tạo nghiệp bất thiện, ngũ nghịch, thập ác, đủ các bất thiện. Người ngu như vậy, do các ác nghiệp phải đọa ác đạo, trải qua nhiều kiếp thọ khổ vô cùng. Người ngu như vậy, đến lúc mạng chung, gặp thiện tri thức đem lời an ủi, vì nói diệu pháp, dạy bảo niệm Phật. Người ấy khổ bức không rảnh niệm Phật. Thiện hữu bảo rằng, ‘Nếu người không thể niệm Phật kia được, thì nên xưng danh Vô Lượng Thọ Phật.’ Như vậy chí tâm, khiến tiếng chẳng dứt, đầy đủ mười niệm, xưng rằng: Nam mô A Di Đà Phật. Do xưng Phật danh, nên trong mỗi niệm trừ tám mươi ức kiếp tội sanh tử.”

“Người ấy khổ bức không rảnh niệm Phật”: ‘Niệm Phật’ ám chỉ Thật tướng niệm Phật, Quán tưởng niệm Phật và Quán tượng niệm Phật. Vào thời khắc lâm chung, người ấy chỉ có thể thực hành Xưng danh niệm Phật. Bản nguyện của Đức Phật A Di Đà là cứu độ tất cả chúng sanh trong mười phương, nên “nãi chí thập niệm” phải là Xưng danh niệm Phật, nếu không thì chúng sanh ‘Hạ phẩm hạ sanh’ được nhắc đến trong Quán Kinh sẽ bị bỏ sót và không được vãng sanh, và nguyên thứ 18 sẽ không được thành tựu.

Trong Kinh A Di Đà, Đức Thích Ca Như Lai có nói:

*“Một ngày cho đến bảy ngày, xưng niệm danh hiệu”*²⁹

Kinh này thuộc thể loại kinh vô vấn tự thuyết. Đức Như Lai đã thuyết giảng mà không cần ai thỉnh cầu. Trong kinh này, Đức Thích Ca Mâu Ni đã quyết định trình bày bản hoài xuất thế của mình, vì vậy kinh này được gọi là kinh vô vấn tự thuyết. Đây là Bản Nguyện mà Đức Phật A Di Đà tuyên trạch, là sự chứng thành của mười phương chư Phật, là bản hoài xuất thế của chư Phật, là sự hộ niệm của hằng hà Như Lai, là lời nguyện mà Chư Phật tư ta³⁰.

(14) Văn ý của Nguyện thứ 17

Thệ nguyện “Chư Phật xưng danh” (nguyện thứ 17), theo như Đại Kinh ghi là:

“Thiết ngã đắc Phật, thập phương thế giới, vô lượng chư Phật, bất tất tư ta, xưng ngã danh giả, bất thủ Chánh giác.” [設我得佛, 十方世界無量諸佛, 不悉咨嗟, 稱我名者, 不取正覺.]

²⁹ Kinh A Di Đà: “Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu: nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn. Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư Thánh chúng, hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ.” (若有善男子善女人聞說阿彌陀佛, 執持名號, 若一日, 若二日, 若三日, 若四日, 若五日, 若六日, 若七日, 一心不亂, 其人臨命終時, 阿彌陀佛與諸聖眾現在其前. 是人終時, 心不顛倒, 即得往生阿彌陀佛極樂國土. 設我念佛, 十方世界無量諸佛, 不悉咨嗟, 稱我名者, 不取正覺.)

³⁰ Chư Phật tư ta nguyện (諸佛咨嗟願): Còn gọi là Chư Phật xưng thán nguyện (諸佛稱歎願), Chư Phật đồng tán danh tự nguyện (諸佛同讚名字願), Chư Phật xưng danh nguyện (諸佛稱名願), Chư Phật xưng dương nguyện (諸佛稱揚願). Là nguyện thứ 17 trong 48 nguyện của Phật A Di Đà, tức là thệ nguyện chư Phật đề cao, khen ngợi danh hiệu của Phật A Di Đà. Kinh Vô Lượng Thọ, quyển thượng, có chép lời thệ nguyện ấy như sau (Đại 12, 268 thượng): “Nếu tôi được thành Phật mà chư Phật trong mười phương vô lượng thế giới đều không tán thán danh hiệu của tôi, thì tôi sẽ không giữ lấy ngôi Chánh giác.” Tư ta: tán thán, cảm thán, khen ngợi.

Trọng tâm của bi nguyện này là, “Giả sử khi tôi thành Phật, chư Phật trong vô lượng thế giới ở mười phương, nếu không tán thán danh hiệu tôi, thì tôi sẽ không lấy ngôi Chánh giác.” *Tư ta*, là được tất cả chư Phật tán thán.

(15) Văn ý của Tựu hành lập tín³¹

“*Nhất tâm chuyên niệm.*” [一心專念]³²:

Nhất tâm, là Kim cương tín tâm. *Chuyên niệm*, là nhất hướng chuyên tu. *Nhất hướng*, là không chuyển sang các việc thiện khác, không hướng tâm niệm đến các Đức Phật khác. *Chuyên tu*, là chỉ xưng niệm danh hiệu của bản nguyện, không còn nghi ngờ gì nữa. *Tu*, là sửa đổi và chinh đốn sự bất an trong tâm và niệm Phật. *Chuyên*, là duy nhất, một. *Duy nhất*, là không có ý nghĩ chuyển sang các hành động thiện khác hoặc các vị Phật khác.

“*Hành trụ tọa ngọa bất vấn thời tiết cửu cận.*” [行住坐臥不問時節久近. Đi đứng ngồi nằm, không kể thời gian lâu mau.]:

³¹ Tịnh độ tông nhấn mạnh rằng phàm phu phải thiết lập tín tâm nếu muốn vãng sanh về Tịnh độ của Đức Phật A Di Đà. Thiết lập tín tâm theo lời nói của người, gọi là ‘Tựu nhân lập tín’ (就人立信), như tin vào nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, lời khuyến khích của Đức Phật Thích Ca, lời thành thật của chư Phật. Ngoài ra, chánh định nghiệp ‘xưng danh’ là hành thuận theo nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, và qua đó thiết lập tín tâm quyết định vãng sanh, đây gọi là ‘Tựu hành lập tín’ (就行立信).

³² Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, No. 1753, Thiện Đạo tập ký, quyển 4, Tán thiện nghĩa, tr. 272a28-b13: “Tiếp theo là ‘tựu hành lập tín’: Nhưng hành có hai thứ: (1) Chánh hành; (2) Tọa hành. Chánh hành: là hành giả chuyên y theo các kinh về vãng sanh để thực hành, gọi là chánh hành. Vì sao? Vì người nhất tâm chuyên đọc tụng Quán Kinh, Kinh A Di Đà, Kinh Vô Lượng Thọ, thì nhất tâm chuyên chú, tư tưởng, quán sát, nhớ nghĩ y báo, chánh báo trang nghiêm của quốc độ Cực Lạc. Nếu lễ bái thì nhất tâm chuyên lễ Đức Phật A Di Đà. Nếu xưng niệm thì nhất tâm chuyên xưng danh hiệu của Đức Phật A Di Đà. Nếu khen ngợi cúng dường thì nhất tâm khen ngợi cúng dường Đức Phật A Di Đà. Đó gọi là chánh. Lại nữa, trong phần chánh hành này cũng có hai thứ: (a) Nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà, đi đứng ngồi nằm, không kể thời gian lâu mau, niệm niệm bất xả, đó gọi là Chánh định nghiệp, vì thuận theo bản nguyện của Đức Phật A Di Đà. (b) Nếu nương vào sự lễ bái, đọc tụng, v.v. thì gọi là Trợ nghiệp. Ngoài hai hành chánh trợ này, các thiện hành khác của mình, đều gọi là Tọa hành. Nếu tu cả hai hành chánh trợ, thì tâm thường gần gũi, nhớ nghĩ không ngừng, gọi là Vô gián hành. Nếu tu tọa hành, thì tâm thường gián đoạn, tuy có thể hồi hướng được sanh, nhưng được gọi là Sơ tọa hành.”

Hành, là đi. *Trụ*, là đứng. *Tọa*, là ngồi. *Nọa*, là nằm. *Bất vấn*, là không quan tâm, chẳng cần hỏi. *Thời*, là mười hai giờ trong ngày. *Tiết*, là mười hai tháng và bốn mùa (tứ tiết). *Cửu*, là lâu dài. *Cận*, là gần. Không quan tâm thời gian tức là không cần tránh những khi bất tịnh. Vì không có sự phân biệt giữa các hoạt động khác nhau nên dùng từ ‘bất vấn’.

“*Thị danh chánh định chi nghiệp, thuận bỉ Phật nguyện cố.*” [是名正定之業, 順彼佛願故. Đó gọi là Chánh định nghiệp, vì thuận theo bản nguyện của Đức Phật kia.]

Tín tâm vào hoằng nguyện là nghiệp nhân quyết định vãng sanh Báo độ, gọi đó là Chánh định nghiệp, vì nó thuận theo bản nguyện của Đức Phật.

(16) Văn ý của “**Dị học, biệt giải**”³³

Những người tranh luận về ‘Nhất niệm’ và ‘Đa niệm’ được gọi là những người dị học (học thuyết khác), biệt giải (hiểu biết khác).

Dị học chỉ cho những người thực hành theo Thánh đạo môn và ngoại đạo, hành các hành khác ngoài niệm Phật, niệm Đức Phật khác ngoài niệm Đức Phật A Di Đà, chọn ngày lành giờ tốt, xem bói coi tướng, thờ cúng tế lễ. Đây là ngoại đạo, và đây là những người dựa vào tự lực.

Biệt giải là những người niệm Phật mà không dựa vào tha lực. *Biệt*, là chia một cái gì đó thành hai. *Giải*, là hiểu biết, sáng tỏ. Mặc dù họ đang thực hành niệm Phật, nhưng lý giải đó là tu hành tự lực. Do đó có sự biệt giải. Ngoài ra, những

³³ Quán Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, tr. 272b18: “Lại nữa, hồi hướng phát nguyện sanh [Cực Lạc] thì cần phải hồi hướng nguyện bằng cái tâm chân thật quyết định, khởi ý tưởng ‘được sanh’. Cái tâm thâm tín này, giống như kim cương, không bị động loạn hay phá hoại bởi những người có dị kiến, dị học, biệt giải, biệt hành, v.v. Chỉ là nhất tâm quyết định, nhắm ngay hướng thẳng, không được nghe lời những người kia, dẫn đến có tiến thoái, tâm sanh yếu hèn, ngoảnh lại lạc đường, liền đánh mất đại lợi vãng sanh.”

người thực hành ‘trợ nghiệp’³⁴ cũng là những người đang tu hành tự lực. Người tu hành tự lực là người tin tưởng hoàn toàn nơi bản thân, tin tưởng vào tâm trí của mình, phấn đấu bằng chính sức mạnh của mình và dựa vào những thiện căn khác nhau của mình.

(17) Văn ý của “Trực vi Di Đà”

“Thượng tận nhất hình chí thập niệm, tam niệm ngũ niệm Phật lai nghêh, trực vi Di Đà hoằng thệ trọng, trí sử phàm phu niệm tức sanh.” [上盡一形至十念, 三念五念佛來迎, 直為彌陀弘誓重, 致使凡夫念即生. Trọn cả một đời đến mười niệm, ba niệm năm niệm Phật đến đón, Thực là Di Đà hoằng thệ lớn, Làm cho phàm phu niệm liền sanh.]³⁵

Thượng tận nhất hình: *Thượng*, là đỉnh, tiến lên, lên cao; nó có nghĩa là ‘đến hết đời sống’. *Tận*, là cuối cùng. *Hình*, là hình dạng, biểu hiện. Đó là nói niệm Phật đến kết thúc sinh mạng.

Thập niệm, tam niệm, ngũ niệm Phật lai nghêh: điều này có nghĩa là không phụ thuộc vào số lần niệm Phật.

Trực vi Di Đà hoằng thệ trọng: *Trực*, là ngay thẳng, chỉ cho lời trực thuyết (直說: nói thẳng) của Như Lai. Bản hoài của chư Phật xuất hiện thế gian được cho là lời trực thuyết. *Vi*, là làm, sử dụng, ổn định, cái này, gặp phải. *Trọng*, là chông chát, nặng, thêm.

³⁴ Nếu nương vào sự lễ bái, đọc tụng, v.v., ngoài sự nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật, thì gọi là Trợ nghiệp.

³⁵ Chuyển Kinh Hành Đạo Nguyên Vãng Sanh Tịnh Độ Pháp Sư Tán, No. 1979, Đại sư Thiện Đạo tập ký, quyển hạ, tr. 435b09.

Sự kiện phàm phu được quyết định vãng sanh Tịnh độ bằng cách xưng niệm danh hiệu của thế nguyện, điều này được chư Phật chỉ dạy nhiều lần. Đây cũng là điều tôi muốn nói với quý vị.

(18) Văn ý của Phát khởi tự trong Đại Kinh

Đại Kinh có nói:

“*Như Lai sở dĩ hưng xuất ư thế, dục chủng quần manh, huệ dĩ chân thật chi lợi.*” [如來 所以興出於世, 欲拯群萌, 惠以真實之利. Lý do Đức Như Lai xuất hiện ở thế gian là vì muốn cứu vớt tất cả quần manh, ban cho lợi ích chân thật.]³⁶

Như Lai, là tất cả chư Phật. *Sở dĩ*, là lý do, nguyên do. *Hưng xuất ư thế*, là chư Phật xuất hiện thế gian. *Dục*, là mong muốn. *Chủng*, là cứu vớt. *Quần manh*, là tất cả chúng sanh. *Huệ*, là được ban phước lành. *Chân thật chi lợi*, là bản nguyện của Đức Phật A Di Đà.

Vì vậy, lý do [duy nhất và trọng đại] mà chư Phật xuất hiện thế gian là tuyên thuyết về bản nguyện của Đức Phật A Di Đà, vì muốn ban phước và cứu độ tất cả chúng sanh.³⁷ Vì các ngài lấy việc ‘tuyên thuyết về bản nguyện của Đức Phật A Di Đà’ làm bản hoài của mình, cho nên ‘bản nguyện của Đức Phật A Di Đà’ được gọi là ‘lợi ích chân thật’. Hơn nữa, ‘bản nguyện của Đức Phật A Di Đà’ còn được gọi là ‘lời trực thuyết của chư Phật xuất thế’.

³⁶ Kinh Vô Lượng Thọ là kinh điển cơ bản trong số các kinh điển mà Tịnh độ tông y cứ, và đó cũng là bản hoài thực sự trong bản hoài xuất thế của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Phát khởi tự của Đại Kinh nói: Như Lai dĩ vô tận đại bi, cang ai tam giới, sở dĩ xuất hưng ư thế, quang xiển đạo giáo, dục chủng quần manh, huệ dĩ chân thật chi lợi. (如來以無盡大悲, 矜哀三界, 所以出興於世; 光闡道教, 欲拯群萌, 惠以真實之利. Đức Như lai đem tâm đại bi vô tận, thương xót khắp ba cõi, cho nên xuất hiện ở thế gian, khai sáng đạo giáo, muốn cứu vớt tất cả quần manh, ban cho lợi ích chân thật.)

³⁷ Đại sư Thiện Đạo nói: “Như Lai sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bản nguyện hải.” (Lý do Như Lai xuất hiện thế gian chỉ để nói về biển cả bản nguyện Di Đà.)

Tám mươi bốn ngàn pháp môn đều là chư thiện làm phương tiện của Tịnh độ. Chúng được gọi là yếu môn. Chúng được gọi là giả môn. Yếu môn và giả môn ở đây chính là định thiện và tán thiện được nói trong một bộ Kinh Vô Lượng Thọ Phật Quán.

Định thiện là mười ba pháp quán. Tán thiện là chư thiện của ba phước và chín phẩm.³⁸ Tất cả điều này là yếu môn của phương tiện Tịnh độ, cũng gọi là giả môn. Từ yếu môn và giả môn đây, khuyến khích và hướng dẫn tất cả chúng sanh bước vào “*Đại bảo hải*”³⁹ của bản nguyện nhất thừa, viên dung vô ngại, chân thật công đức”. Do đó, mọi thiện nghiệp của tự lực đều là phương tiện môn.

Nhất thừa, là bản nguyện. *Viên dung*, là bản nguyện đầy đủ mọi thiện căn công đức, và tâm trí tự tại. *Vô ngại*, là phiền não và ác nghiệp không thể chướng ngại và phá hủy. *Chân thật công đức*, là danh hiệu. Vì bản nguyện đã đạt đến sự viên dung của diệu lý ‘Nhất thật chân như’, cho nên nó được ví như *Đại bảo hải*. Nhất thật chân như là Vô thượng Đại Niết bàn. Niết bàn là pháp tánh, và pháp tánh là Như Lai. *Bảo hải*, nghĩa là Đức Phật chỉ bảo dẫn dắt tất cả chúng sanh mà không phân biệt, không gì chướng ngại và không bỏ rơi ai, giống như đại dương tiếp nhận nước từ tất cả dòng sông.

³⁸ Định thiện là lắng tâm dứt trừ các ý niệm tạp nhạp. Tán thiện là đoạn diệt điều ác tu các hạnh lành. Đây là 2 loại thiện do ngài Thiện đạo chủ trương để cầu vãng sanh Tịnh độ. Trong 16 pháp quán: Nhật tưởng quán, Thủy tưởng quán, Địa tưởng quán, Bảo thọ quán, Bảo trì quán, Bảo lâu quán, Hoa tọa quán, Tượng quán, Chân thân quán, Quán Âm quán, Thế Chí quán, Phổ quán, Tạp tưởng quán, Thượng bối quán, Trung bối quán và Hạ bối quán được nói trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, thì ngài Thiện Đạo cho rằng 13 pháp quán trước là dùng định tâm quán tưởng về y báo, chánh báo của cõi Tịnh độ, cho nên gọi là Định thiện. Còn ba pháp quán sau (thượng bối quán, trung bối quán, hạ bối quán) là dùng tán tâm tu tập các hạnh 3 phước, 9 phẩm, cho nên gọi là Tán thiện. Định thiện và Tán thiện là nhân của sự vãng sanh, thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà là thắng duyên của sự vãng sanh. Khi nhân và duyên hòa hợp thì được quả vãng sanh.

Quán Kinh dạy: “Này Vi Đề Hy! Muốn sanh về nước kia nên tu ba phước: Một là, hiếu dưỡng cha mẹ, kính thờ bậc Sư trưởng, có tâm nhân từ chẳng giết hại và tu tập mười nghiệp lành. Hai là, thọ trì Tam Quy y, đầy đủ các cấm giới và chẳng phạm oai nghi. Ba là, phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa và khuyên dạy sách tiến người tu hành. Ba sự như vậy gọi là tịnh nghiệp.”

³⁹ Đại bảo hải (大寶海): Biển trân bảo lớn, biển báu lớn, tỷ dụ công đức vô lượng vô biên, hình dung Đức Phật A Di Đà thệ nguyện cứu độ chúng sanh, không từ bỏ, không phân biệt, không chán ghét, tất cả đều được dẫn dắt, nhiếp thọ, giống như biển lớn không từ chối dòng nước nhỏ vậy. Như trong Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Ba Đề Xá Nguyên Sanh Kệ, No. 1524, có câu: “Năng令速満足, 功德大寶海.” (能令速満足, 功德大寶海. Khiến cho mau đầy đủ, Công đức như biển báu)."

Từ đại bảo hải ‘nhất thật chân như’ mà biểu hiện một hình tướng, lấy danh hiệu là Bồ tát Pháp Tạng, phát nguyện cứu độ chúng sanh mà không gì chướng ngại được, đã trở thành Đức Phật A Di Đà. Vì lý do này, Đức Phật A Di Đà là ‘Bảo thân Như Lai’. Đức Phật A Di Đà được gọi là “Tận Thập Phương Vô Ngại Quang Phật” (Đức Phật của ánh sáng vô ngại tràn ngập mười phương). Như Lai ấy cũng được gọi là “Nam mô Bất Khả Tư Nghị Quang Phật” (Quy mạng Đức Phật của ánh sáng không thể nghĩ bàn). Như Lai ấy là ‘Pháp thân phương tiện’. *Phương tiện*, nghĩa là thị hiện hình tướng, biểu lộ danh hiệu và tự làm cho chúng sanh biết đến. Nói cách khác, đó là Đức Phật A Di Đà. Như Lai ấy là quang minh. Quang minh là trí tuệ; trí tuệ là sắc thái của quang minh. Thêm nữa, trí tuệ thì không có hình tướng; do đó, Như Lai ấy là Bất Khả Tư Nghị Quang Phật. Như Lai ấy còn được gọi là Vô Biên Quang Phật (Đức Phật của ánh sáng vô biên), vì Ngài có mặt khắp cả vi trần thế giới ở mười phương. Hơn nữa, Bồ tát Thế Thân đã tôn xưng danh hiệu là “Tận Thập Phương Vô Ngại Quang Như Lai”.

(19) Văn ý của “Bất hư tác trụ trì công đức”

Tịnh Độ Luận có nói:

“Quán Phật bản nguyện lực
Ngộ vô không quá giả
Năng linh tốc mãn túc
Công đức đại bảo hải.”

[觀佛本願力

遇無空過者

能令速滿足

功德大寶海.

Quán Phật bản nguyện lực

Người gặp không luống uổng

Khiến mau được đầy đủ

Biển báu lớn công đức.]⁴⁰

Đoạn này nói rằng: “Khi tôi thấy bản nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, tôi biết rằng không có ai gặp được bản nguyện mà đi qua một cách vô ích. Bản nguyện thực sự làm cho người ấy mau chóng đầy đủ biển cả châu báu công đức.”

Quán, là bản nguyện lực ở trong tâm thức, cũng có nghĩa hiểu biết. *Ngộ*, là gặp, là tin tưởng vào bản nguyện lực. *Vô*, là không có. *Không*, là trống rỗng. *Quá*, là trôi qua, bỏ qua. *Giả*, là một người, ai đó. *Ngộ vô không quá giả*: những người đã có được tín tâm sẽ không sống chết một cách vô ích. *Năng*, là có thể, khả năng. *Linh*, là làm cho, khiến cho. *Tốc*, là mau chóng, nhanh lẹ, cùng nghĩa với chữ ‘tật’ (疾). *Mãn*, là đầy. *Túc*, là đủ.⁴¹ *Công đức*, chính là danh hiệu. *Đại bảo hải*, là biển cả chứa đầy thiện căn công đức.

Nhờ những lời này, chúng ta biết rằng công đức [của bản nguyện] mau chóng sung mãn trong tâm của người có tín tâm vào bản nguyện. Do đó, mặc dù người có Kim cương tín tâm không tìm cầu công đức, mà kho báu công đức vẫn tràn đầy nơi thân họ. Đây là lý do nó được ví như *đại bảo hải*.

⁴⁰ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu bà đề xá Nguyễn Sanh Kệ Chú, Đàm Loan chú giải, quyển hạ, tr. 840a04-16: “Thế nào là thành tựu công đức Bất hư tác trụ trì trang nghiêm? Kệ rằng: ‘Quán Phật Bản nguyện lực, Ai gặp không luống qua, Khiến được mau đầy đủ, Biển báu lớn công đức.’ Sự thành tựu công đức ‘Bất hư tác trụ trì trang nghiêm’: Đó là bản nguyện lực của A Di Đà Như Lai. Nay lược nói tướng ‘hư tác’ không thể trụ trì, để nêu rõ nghĩa ‘bất hư tác trụ trì’. Có kẻ nhịn ăn nuôi người, mà lại gây sự trên thuyền; trữ vàng đầy kho, mà chẳng khỏi chết đói. Những sự như vậy, thấy ở khắp nơi. Có được mà chẳng làm để có được; yên ở mà chẳng giữ để yên ở, tất cả đều do hư vọng nghiệp gây ra, nên không có khả năng trụ trì. Nói ‘Bất hư tác trụ trì’, là y theo bốn mươi tám bản nguyện của Bồ tát Pháp Tạng, ngày nay là thần lực tự tại của A Di Đà Như Lai. Nguyện để thành lực, lực để tựu nguyện. Nguyện chẳng luống không, lực chẳng dối bày. Lực nguyện hợp nhau, rốt cuộc không sai, nên gọi là thành tựu.”

⁴¹ Vào thời kỳ Minh Trị có một nhà sư ở Diên Phúc Tự (延福寺, Enpukuji) ưa thích thuật ngữ “Năng linh tốc mãn túc” (能令速満足) đến nỗi ông ấy đã đổi tên thành Năng Linh Tốc Mãn (Nōryō Sokuman, 1812-1886).

(20) Văn ý của “Trí sử phàm phu”

“*Trí sử phàm phu niệm tức sanh.*” [致使凡夫念即生. Làm cho phàm phu niệm liền sanh.]⁴²

Trí, là căn bản, cũng có nghĩa là ‘dẫn đến’. *Dẫn đến*, là đạt đến Báo độ chân thật. *Sử*, là gây ra. *Phàm phu*, là chúng ta. Chúng ta nên tín lạc vào bản nguyện lực. *Niệm*, là tin tưởng vào bản nguyện của Như Lai mà không có chút nghi ngờ nào. *Tức*, là ngay lập tức. *Tức sanh*, là quyết định an trú địa vị Chánh định tụ mà không có thời gian trôi qua, không kể ngày tháng trôi qua. *Niệm tức sanh*: người có tín niệm vào bản nguyện, thì lập tức quyết định mình sẽ được vãng sanh.

Tức, cũng có nghĩa là thăng thiên, mô tả địa vị của một người chắc chắn sẽ thăng lên một cấp bậc nhất định. Theo cách nói thể tục, lên ngôi vua của một đất nước là ‘tức vị’ (即位). *Vị*, là tước vị, vì vậy một người giữ tước vị Đông cung sẽ lên ngôi vua. Sự đạt đến địa vị Chánh định tụ tương tự như sự đạt được tước vị Đông cung. Lên ngôi vua gọi là ‘tức vị’, tương ứng với sự đạt được Vô thượng Đại Niết bàn. Đức Phật A Di Đà đã thệ nguyện rằng, người có tín tâm, tức người đã đạt đến địa vị Chánh định tụ, chắc chắn sẽ đạt đến Diệt độ. Điều này gọi là ‘trí’ (致), nó là căn bản dẫn đến sự chứng đắc Niết bàn.

Phàm phu, chỉ cho tất cả chúng ta, những người chứa đầy vô minh phiền não, như được diễn tả trong thí dụ ‘hai sông nước lửa’⁴³. Những ham muốn của

⁴² Chuyển Kinh Hành Đạo Nguyên Vãng Sanh Tịnh Độ Pháp Sư Tán, quyển hạ, tr. 435b11.

⁴³ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh Sớ: “Giả sử có một người lữ hành đi một trăm ngàn dặm về hướng Tây, dọc đường bỗng gặp hai con sông [trong một dòng sông], một là sông lửa chảy về hướng Nam, hai là sông nước chảy về hướng Bắc. Hai con sông rộng một trăm thước, sâu không thấy đáy, Nam Bắc dài vô tận. Ngăn cách lửa và nước là một con đường màu trắng rộng bốn năm tấc. Có một con đường [bắc ngang qua hai con sông], từ bờ Đông sang bờ Tây rộng hơn một trăm thước. Những cơn sóng nước trào lên làm ướt con đường và những ngọn lửa bốc lên đốt nóng con đường. Nước và lửa cứ thế luân phiên nhau không ngừng nghỉ.

chúng ta thì vô số, và sự tức giận, ganh ghét thì tràn ngập, phát sanh không ngừng;

Bấy giờ, người lữ hành đã đi sâu vào vùng hoang dã rộng lớn, không có một bóng người hay vật gì. Có những tên cướp ẩn nấp và thú dữ rình rập ở đó, và khi thấy người này đơn độc, chúng tranh nhau chạy đến muốn giết hại. Người này sợ chết, chạy thẳng về hướng Tây, bỗng thấy con sông lớn kia, liền tự nghĩ rằng: “Con sông này từ Nam chí Bắc không thấy bờ mé, giữa sông thấy một con đường trắng, rất là nhỏ hẹp, hai bờ cách nhau tuy gần nhưng làm sao đi được? Hôm nay tôi chắc chắn sẽ chết. Nếu tôi quay trở lại, những tên cướp và thú dữ đang từ từ áp sát. Nếu tôi chạy về phía Bắc hay phía Nam, thú dữ và trùng độc đang tranh nhau chạy về phía tôi. Nếu tôi muốn đi về phía Tây, tìm đường thoát, lại sợ rơi vào hai con sông nước và lửa.”

Không có từ nào để diễn tả nỗi kinh hoàng và tuyệt vọng vào thời điểm đó, người lữ hành tự suy nghĩ: “Bây giờ tôi quay lại cũng chết, đứng đây cũng chết, đi tiếp cũng chết, không có cách nào để tôi thoát khỏi cái chết. Vì vậy, tôi nên tìm kiếm con đường này, hướng về phía trước mà đi. Đã có con đường này thì có thể vượt qua sông.”

Lúc nghĩ như thế, chợt nghe giọng nói khích lệ của ai đó ở bờ Đông: “Nhân giả! Nếu quyết định tìm con đường này mà đi, thì sẽ thoát được cái chết. Nhưng nếu ở lại thì sẽ chết.”

Thêm nữa, bên bờ Tây cũng có người kêu rằng: “Người nên nhất tâm chánh niệm mà đi thẳng đến đây, ta sẽ che chở cho người, không sợ rơi vào nạn nước lửa.”

Người này nghe được lời kêu gọi đó, thì liền tự trấn tĩnh thân tâm, quyết tâm tìm đường mà thẳng tiến, không sinh tâm khiếp sợ lui sụt.

Đi được một bước, hai bước, thì bên bờ Đông các tên cướp lại réo gọi: “Nhân giả, hãy quay lại! Con đường đó nguy hiểm, không thể đi qua được, chắc chắn sẽ bị chết ngay. Chúng tôi không có ác tâm đối với nhân giả.”

Người lữ hành tuy nghe tiếng kêu mà không ngoảnh lại, chỉ nhất tâm thẳng tiến, nhớ đường mà đi. Chốc lát liền đến bờ Tây, thoát khỏi các nạn, gặp gỡ bạn lành, mừng vui không ngớt.

Đây là thí dụ. Giờ hãy áp dụng thí dụ:

‘Bờ Đông’ là dụ cho nhà lửa Ta-bà.

‘Bờ Tây’ là dụ cho nước báu Cực Lạc.

‘Bọn cướp nguy trang, thú dữ tiếp cận’ là chỉ cho sáu căn, sáu thức, sáu trần, năm ấm, bốn đại.

‘Nơi hoang dã đầm lầy không có bóng người’ là dụ cho thường theo bạn ác, không gặp được thiện tri thức chân chánh.

‘Hai sông nước lửa’ là dụ cho chúng sanh có những tham lam, luyến ái như nước và những sân si, ganh ghét như lửa.

‘Con đường trắng ở giữa, rộng bốn năm tấc’ là dụ giữa tham sân phiền não của chúng sanh có thể sanh tâm thanh tịnh nguyện vãng sanh. Vì lòng tham sân mãnh liệt mà dụ cho ‘nước và lửa’, vì tâm thiện lành ít ỏi mà dụ cho ‘con đường trắng’.

‘Sóng nước thường làm ướt con đường’ là dụ cho tâm luyến ái thường khởi làm cho nhiễm ô tâm thiện lành.

‘Ngọn lửa thường đốt nóng con đường’ là dụ cho tâm sân hận, ganh ghét, có công năng thiêu đốt các pháp tài công đức.

‘Người lữ hành trên đường đi về hướng Tây’ là dụ cho các hành nghiệp được hồi hướng về Tây phương.

‘Bờ Đông nghe tiếng người khuyên bảo, hãy tìm con đường, tiến thẳng về hướng Tây’ là dụ cho Đức Thích Ca đã diệt độ, người đời sau không thể gặp Phật, nhưng giáo pháp của Ngài vẫn tồn tại, có thể tìm gặp, và giáo pháp ấy giống như giọng nói.

‘Đi được một bước, hai bước, thì các tên cướp réo gọi’ là dụ cho những người có biệt giải, biệt hành, ác kiến v.v. họ nói ra những kiến giải sai lầm, luân phiên làm cho mê hoặc, rối loạn, khiến tự tạo tội mà lui sụt.

‘Bờ Tây có người kêu gọi’ là dụ cho ý nguyện của Đức Phật A Di Đà.

‘Chốc lát liền đến bờ Tây, gặp gỡ bạn lành, vui mừng không ngớt’ là dụ cho chúng sanh lâu xa chìm đắm sanh tử, nhiều kiếp luân hồi, mê đảo tự trôi, vô phương giải thoát, kính nhờ Đức Phật Thích Ca khuyến khích, dạy hướng về Tây, lại nương tựa vào tâm từ bi của Đức Phật A Di Đà mời gọi. Hôm nay đã tin tưởng và tùy thuận ý nguyện của hai Đức Phật, không quay đầu lại nhìn ‘hai sông nước lửa’, niệm niệm không dời đổi, nương vào ‘con đường’ nguyện lực của Đức Phật A Di Đà, sau khi qua đời, được sanh về Cực lạc, nhìn thấy Đức Phật, vui thích nào bằng.

Lại nữa, tất cả hành giả, khi đi đứng ngồi nằm, tu tập ba nghiệp, bất kể thời gian, dù ngày hay đêm, thường nhận thức như thế, thường nghĩ tưởng như thế, đó gọi là Hồi hướng phát nguyện tâm.”

cho đến tận khoảnh khắc cuối cùng của cuộc đời, chúng không ngừng lại, hoặc biến mất, hoặc cạn kiệt. Khi chúng ta, những kẻ rất đáng thương như vậy, ‘đi được một bước, hai bước’, từng bước một, dọc theo ‘con đường trắng ở giữa’ của bản nguyện lực, thì chúng ta sẽ được quang minh của Đức Phật Vô Ngại Quang nhiếp thủ. Và nếu làm như vậy, chúng ta sẽ đến được Tịnh độ An Lạc. Khi đó chúng ta sẽ đạt được Đại bát Niết bàn giống như Đức A Di Đà Như Lai, được hóa sanh trong hoa sen Chánh giác⁴⁴.

Đây được gọi là “*Trí sử phàm phu niệm tức sanh.*”

Trong thí dụ ‘hai sông nước lửa’, việc ‘đi được một bước hai bước’ ám chỉ sự trôi qua của một năm rồi hai năm. Lời trực thuyết về bản hoài của chư Phật xuất thế và của Như Lai thành đạo, chính là vì muốn hàng phàm phu hãy tín niệm bản nguyện của Đức Phật A Di Đà để ngay lập tức quyết định được vãng sanh.

(21) Văn ý của sự giải thích về thâm tín

“*Kim tín tri Di Đà bản hoằng thệ nguyện, cập xưng danh hiệu.*” [今信知彌陀本弘誓願及稱名號. Nay tin biết bản hoằng thệ nguyện của Di Đà, và xưng danh hiệu.]⁴⁵

⁴⁴ Vô Lượng Thọ Kinh Ưu bà đề xá Nguyện Sanh Kệ Chú, quyển hạ, tr. 838b02, giải thích câu kệ: “Như Lai tịnh hoa chúng, Chánh giác hoa hóa sanh” (如來淨華眾, 正覺華化生). Thánh chúng của A Di Đà Như Lai đều hóa sanh trong hoa sen thanh tịnh, nên nói ‘Như Lai tịnh hoa chúng’. Hoa sen ấy là kết quả của sự hoàn thành bản nguyện của Như Lai mà thành ngôi Chánh giác, nên nói ‘Chánh giác hoa’. Bất luận căn cơ người niệm Phật như nào, không phân biệt trí ngu, thiện ác, già trẻ, chỉ cần phải thành tâm niệm Phật, thì có được công đức đồng nhất. Tọa sanh về các thế giới bằng thai, noãn, thấp hay hóa, quyến thuộc bao nhiêu, khổ sướng vạn kiểu, đó là do tạp nghiệp. Chánh nhân sanh về Cực Lạc là một hạnh niệm Phật, cho nên thuần một hóa sanh. Tịnh và uế là nhân quả tương đối, cho nên nói “không có con đường riêng”.

⁴⁵ Tập Chư Kinh Lễ Sám Nghi, No. 1982, Sa môn Trí Thắng soạn, quyển hạ, tr. 466a28: “Kim tín tri Di Đà bản hoằng thệ nguyện cập xưng danh hiệu, hạ chí thập thanh nhất thanh đẳng, định đắc vãng sanh, nãi chí nhất niệm vô hữu nghi tâm, cố danh thâm tâm.” (今信知彌陀本弘誓願及稱名號, 下至十聲一聲等, 定得往生, 乃至一念無有疑心, 故名深心. Nay tin biết bản hoằng thệ nguyện của Đức Phật A Di Đà và xưng niệm danh hiệu, tối thiểu mười tiếng một tiếng, thì nhất định được vãng sanh, và dù chỉ một niệm mà không có lòng nghi, nên gọi là thâm tâm.)

Đoạn văn này nói về sự tin biết về bản nguyện của Như Lai.

Tín, là Kim cương tâm. *Tri*, là biết rằng Đức Phật A Di Đà đang dẫn dắt chúng sanh đầy phiền não và ác nghiệp. Hơn nữa, *Tri*, là quán (觀); những ý nghĩ nổi lên trong tâm gọi là ‘quán’, và những cảm xúc nổi lên trong tâm gọi là ‘tri’.

Cập xưng danh hiệu: *Cập*, là mở rộng, vươn tới, bao gồm. *Xưng*, là gọi tên. *Xưng*, là cái cân để xác định khối lượng của một vật. Qua đó được hiểu là, khi một người xưng niệm danh hiệu, ‘tối thiểu mười tiếng, một tiếng’, mà không có chút nghi ngờ nào, người đó sẽ được vãng sanh Báo độ chân thật.

Hơn nữa, Kinh A Di Đà dạy rằng: “*Xưng niệm danh hiệu hoặc một ngày, hoặc bảy ngày.*”

(22) Tổng kết Văn ý

Trên đây là những chứng văn về đa niệm. Tôi đã không giải thích chúng đầy đủ như tôi muốn, nhưng quý vị nên thấy từ những văn ý này, rằng sự tranh chấp về nhất niệm và đa niệm là vô nghĩa. Theo Tịnh độ Chân tông, trong ‘Niệm Phật vãng sanh’ không có khái niệm ‘Nhất niệm vãng sanh’ hay ‘Đa niệm vãng sanh’. Xin hãy hiểu điều này.

Nam mô A Di Đà Phật.

Bạt văn về Văn ý

Để ngay cả những người ở nông thôn không hiểu nghĩa của văn tự, những người đau khổ và vô vọng vì ngu dốt, có thể dễ dàng hiểu được, tôi đã viết đi viết lại cùng một điều. Người đọc có học thức có thể thấy bài viết này kỳ lạ và có thể

chế giễu nó. Không đề ý đến những lời chỉ trích như vậy, tôi chỉ viết ra để những kẻ ngu có thể dễ dàng nắm bắt được ý nghĩa cốt lõi.⁴⁶

Khang Nguyên năm 2, ngày 17 tháng 2 năm Đinh Tỵ (1257)

Ngu Ngốc Thân Loan

Viết ở tuổi 85

⁴⁶ Đoạn này giống với lời cuối sách Duy Tín Sao Văn Ý của Thân Loan.